

Bản án số: 231/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2017

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Cường

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Âu Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 734/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn T sinh năm: 1981

Địa chỉ: số 468D, tổ X, khu Y, thị trấn A, huyện B, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị T sinh năm: 1981

Địa chỉ: số 468D, tổ X, khu Y, thị trấn A, huyện B, tỉnh Tiền Giang

(Anh T có mặt, chị T xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị T chơi cờ bạc, không quan tâm chăm sóc con. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2010 và Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2005 hiện đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm, biên bản hòa giải ngày 16 tháng 11 năm 2017 bị đơn là chị Huỳnh Thị T trình bày: Chị thống nhất với anh T về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn và con chung. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T ghen tuông nên vợ chồng cãi nhau, chị và anh T không có sống ly thân với nhau. Nay chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh T. Về con chung: chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Phạm Văn T và chị Huỳnh Thị T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2004 được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 8 năm 2004 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh T và chị T đều xác định là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày, anh T và chị T cũng không có trao đổi để hàn gắn tình cảm với nhau. Chị T xin giải quyết vắng mặt chứng tỏ chị T không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng và chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh T ly hôn với chị T là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2010 và Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2005 hiện đang sống với anh T. Nay anh T và chị T đều yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét thấy cháu T và cháu M hiện đang sống với anh T đã lâu dài và ổn định, cần tránh sự xáo trộn cuộc sống của 02 cháu và theo nguyện vọng của cháu T và cháu M mong muốn được sống với anh T. Do đó, cần giao cháu T và cháu M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Huỳnh Thị T.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2010 và Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2005 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Huỳnh Thị T do anh Phạm Văn T không yêu cầu. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với chị T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 07630 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B; anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với chị T thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cái Bè;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

